

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09/4/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Bộ

Ông Nguyễn Văn Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Xuân C, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2024, bản tự khai ngày 16/01/2024 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L như sau:

Tôi kết hôn với anh Bùi Xuân C trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2021. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C có tính gia trưởng, không tôn trọng vợ, thường xuyên có hành vi chửi bới, xúc phạm, đánh đập tôi, tôi đã khuyên bảo và cho anh C nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy; do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên tôi đã về nhà bố mẹ để cùng xã L để sinh sống kể từ ngày 28/12/2023, vợ

chồng cũng sống ly thân đến nay, thời gian ly thân tôi và anh C không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Bùi Xuân C.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Tuệ MA, sinh ngày 02/02/2023, hiện nay đang ở với tôi; chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tuệ MA; chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay tôi làm lao động tự do ngoài ra còn bán hàng online thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 16/01/2024 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của bị đơn anh Bùi Xuân C như sau:

Tôi và cô Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn; đăng ký kết hôn ngày 27/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, trong cuộc sống giữa vợ chồng cũng có xảy ra những va chạm, xung đột, cãi chửi nhau qua lại, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ mà gia đình nào cũng có, không phải nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn; kể từ ngày 28/12/2023 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ, do không kiềm chế được tôi đã tát chị L vài cái dẫn đến việc L mang theo con về nhà bố mẹ đẻ cùng xã L sinh sống cho đến nay, tôi đã xin lỗi, động viên thuyết phục nhiều lần chị L quay về vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng chị L do bị tác động bởi gia đình bên ngoại nên vẫn không thay đổi ý định. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi không đồng ý ly hôn, tôi yêu cầu đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Tuệ MA, sinh ngày 02/02/2023; hiện nay cháu MA đang ở với cô L; trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tuệ MA, yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu MA đủ tuổi thành niên. Hiện nay tôi làm lao động tự do thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 15/01/2024 với Ủy ban nhân dân xã L: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H; sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị sinh sống tại thôn Đ, xã L. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay chị L đã đưa con về nhà mẹ đẻ tại thôn Đ, xã L từ tháng 12 năm 2023; vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nguyên nhân cụ thể dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng, chính quyền địa phương không rõ, vì xảy ra mâu thuẫn anh, chị không báo cáo chính quyền và không đề nghị chính quyền địa phương hòa giải.

Chị L và anh C có 01 con chung là Bùi Tuệ MA, sinh ngày 02/02/2023, hiện

nay đang ở với chị L; điều kiện sinh sống của cháu bình thường, không ai hành hạ hay ngược đãi gì.

Hiện nay chị L và anh C đều làm lao động tự do thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; các đương sự đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc ly hôn; xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Xuân C; vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Tuệ MA, sinh ngày 02/02/2023, do con chung dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng; chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện và không thỏa thuận được với anh Bùi Xuân C về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến chị L tại phiên tòa: Vợ chồng tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn; về con chị đề nghị được nuôi con vì cháu hiện nay mới được 14 tháng tuổi, đang bú mẹ và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến anh C tại phiên tòa: Vợ chồng tuy có mâu thuẫn, nhưng là những mâu thuẫn nhỏ, tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên không đồng ý ly hôn; thời gian vợ chồng ly thân anh C cũng đã lên thuyết phục để vợ con trở về đoàn tụ, nhưng người nhà chị L đã đe dọa anh và gia đình; về con anh đề nghị được nuôi con vì anh có điều kiện nuôi con hơn, thu nhập hàng tháng của anh cao hơn chị L, mặc dù hiện nay cháu đang bú mẹ, nhưng anh đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cháu bằng sữa ngoài và anh đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Xuân C có nơi cư trú ở xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2021 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị L đã về nhà mẹ đẻ ở cùng xã để sinh sống kể từ ngày 28/12/2023, vợ chồng cũng sống ly thân kể từ ngày đó; anh C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có những lần vợ chồng cãi nhau anh có tát chị mấy cái, nhưng đó là những mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng chị L và anh C có mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, hai bên không có quan tâm đến nhau; chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh C cũng đã thuyết phục, động viên chị L quay về chung sống để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả; ngoài ra anh C cũng không có biện pháp gì để khắc phục, hàn gắn quan hệ vợ chồng mà hai bên đều không có sự quan tâm gì đến nhau. Do đó về tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C cũng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L và xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Xuân C có 01 con chung là cháu Bùi Tuệ MA, sinh ngày 02/02/2023, hiện nay đang ở với chị L; nguyện vọng của chị L và anh C là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tuệ MA; xét về nguyện vọng được nuôi con của chị L và anh C là chính đáng, đó là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ với con chưa thành niên, nhưng cháu Bùi Tuệ MA đang nhỏ, đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi, đang còn bú sữa mẹ; hiện nay nghề nghiệp của chị L là lao động tự do thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng có thể đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tuệ MA là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; anh Bùi Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Bùi Xuân C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Bùi Xuân C.

Về con: Công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Xuân C có 01 con chung là cháu Bùi Tuệ MA, sinh ngày 02/02/2023; giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Tuệ MA; anh Bùi Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Bùi Xuân C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị L chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung theo biên lai thu số AA/0006769 ngày 11/01/2024 (Chị Nguyễn Thị L đã thi hành xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng